

TỈNH ỦY CAO BẰNG  
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

\*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 33

Môn: Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: 13/4/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	7,75	Bảy phẩy bảy năm	41	Nông Quốc Huy	8,00	Tám
2	Lê Nam Bắc	8,00	Tám	42	Đàm Thu Lệ	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Nông Đình Bảng	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nông Minh Liễu	8,00	Tám
4	Đàm Văn Bình	8,00	Tám	44	Hoàng Diệu Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Hoàng Hồng Chuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Lăng Văn Long	8,00	Tám
6	Bé Ngọc Công	7,00	Bảy	46	Nông Văn Long		<i>Thôi học</i>
7	Đình Văn Cường	8,00	Tám	47	Nông Đức Long	7,00	Bảy
8	Lương Thị Đào	7,50	Bảy phẩy năm	48	Nông Thị Mây	8,00	Tám
9	Bé Thanh Đạt	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Tô Linh Nam	8,00	Tám
10	Đặng Xuân Định	7,50	Bảy phẩy năm	50	Đình Thị Thanh Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Mã Văn Duệ	8,00	Tám	51	Hà Văn Nghị	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Nông Thị Mỹ Dung	8,00	Tám	52	Trương Đại Nghĩa	7,00	Bảy
13	Bạch Thái Dũng	7,00	Bảy	53	Hoàng Văn Nguyễn	7,50	Bảy phẩy năm
14	Nguyễn Tiên Dũng	7,00	Bảy	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,00	Tám
15	Hà Ngọc Dương	8,00	Tám	55	Nông Thị Minh Nguyệt	7,50	Bảy phẩy năm
16	Phạm Thị Giang	8,00	Tám	56	Bé Văn Nhân	7,50	Bảy phẩy năm
17	Trần Nguyên Giáp	8,00	Tám	57	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
18	Ma Thị Hải	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Dương Thanh Phong	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Nông Ngọc Hải	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Hà Minh Quyết	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Hành	8,00	Tám	60	Lâm Thị Quỳnh	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Hoàng Quang Hậu	7,25	Bảy phẩy hai năm	61	Bàn Tồn Sao	7,50	Bảy phẩy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	8,00	Tám	62	Đình Thị Hồng Sợi	7,50	Bảy phẩy năm

*D.Kle*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	63	Nông Đức Tài	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nông Thị Hòa	7,00	Bảy	64	Nông Hồng Thắm		<b>Không đủ điều kiện thi</b>
25	Lục Xuân Hòa	7,50	Bảy phẩy năm	65	Phan Văn Thành	7,75	Bảy phẩy bảy năm
26	Thắm Đức Hoàng	7,00	Bảy	66	Phan Thiêm	7,50	Bảy phẩy năm
27	Nông Duy Hoàng	8,00	Tám	67	Lê Thị Xuân Thương	8,00	Tám
28	Hoàng Doãn Hoạt	8,00	Tám	68	Đàm Thị Thanh Thủy	8,00	Tám
29	Hoàng Văn Hội	7,00	Bảy	69	Lê Minh Thụy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lê Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Thị Thu Trang	8,00	Tám
31	Hoàng Văn Huấn	8,00	Tám	71	Phan Minh Trang	8,50	Tám phẩy năm
32	Đình Văn Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Nông Thu Trang	8,00	Tám
33	Trần Văn Hùng	8,00	Tám	73	Đình Kiều Trinh	7,00	Bảy
34	Bé Văn Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lê Kim Trường	8,00	Tám
35	Hoàng Việt Hưng	8,00	Tám	75	Hồ Anh Tuấn	7,00	Bảy
36	Hoàng Quốc Hưng	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Hứa Thanh Tùng	8,00	Tám
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Nông Hồng Hường	7,50	Bảy phẩy năm	78	Đoàn Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
39	Trương Ngọc Hữu	7,50	Bảy phẩy năm	79	Đoàn Thanh Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lý Văn Huy	7,50	Bảy phẩy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm

**GHI ĐIỂM**



**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thủy**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Việt Hưng**